



BÁO CÁO

**Kết quả theo dõi tình hình thi hành Luật Ban hành văn bản
quy phạm pháp luật năm 2015**

**I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, TRIỂN KHAI THỰC HIỆN THEO DÕI
TÌNH HÌNH THI HÀNH LUẬT BAN HÀNH VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP
LUẬT NĂM 2015**

1. Những kết quả đạt được

a) Công tác chỉ đạo, triển khai thực hiện theo dõi tình hình thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (gọi tắt là Luật năm 2015), có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2016. Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện triển khai thực hiện theo dõi tình hình thi hành Luật năm 2015, đảm bảo thực thi đúng quy định, nâng cao chất lượng trong việc tổ chức thi hành của Luật.

b) Công tác phổ biến, tập huấn, hướng dẫn về nghiệp vụ, kiểm tra việc thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật

Ủy ban nhân dân tỉnh quan tâm tổ chức thực hiện tốt, với phương pháp lồng ghép cùng công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật chung của tỉnh. Chỉ đạo các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện cử công chức tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng do Bộ Tư pháp, Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức. Thành lập các đoàn kiểm tra theo dõi tình hình thi hành pháp luật, trong đó có nội dung kiểm tra việc thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành Luật năm 2015 tại một số sở, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện.

c) Tổ chức bộ máy, biên chế, kinh phí, cơ sở vật chất bảo đảm thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Sở Tư pháp thực hiện chức năng tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về công tác xây dựng, theo dõi thi hành pháp luật; kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật; pháp chế;...trong đó nhiệm vụ của Phòng Quản lý xử lý vi phạm hành chính và Theo dõi thi hành pháp luật thuộc Sở Tư pháp có 05 biên



chế, trong đó có 02 biên chế có trình độ thạc sĩ và 03 biên chế có trình độ cử nhân Luật thực hiện các hoạt động theo dõi thi hành pháp luật theo quy định.

Đối với các sở, ngành và UBND cấp huyện không có công chức chuyên trách nhưng vẫn cử công chức làm đầu mối liên hệ trong công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật, giúp hoạt động theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

Về kinh phí: Hàng năm, Ủy ban nhân dân tỉnh đều bố trí kinh phí phục vụ cho công tác theo dõi tình hình thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo quy định.

Cơ sở vật chất, phương tiện làm việc được các cơ quan, đơn vị trang bị tương đối đầy đủ, bảo đảm yêu cầu thực hiện nhiệm vụ; máy vi tính được kết nối internet phục vụ công tác tra cứu, cập nhật kịp thời các văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương và địa phương.

d) Việc xây dựng và tổ chức thực hiện Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Thực hiện Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23/7/2012 của Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật; Thông tư số 14/2014/TT-BTP ngày 15/5/2014 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23/7/2012 của Chính phủ; trên cơ sở hướng dẫn của Bộ Tư pháp, hàng năm Ủy ban nhân dân tỉnh đều ban hành Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh, trong đó có theo dõi tình hình thi hành Luật năm 2015.

Căn cứ Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh, các sở, ban, ngành cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện đã xây dựng, ban hành kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật tại đơn vị, địa phương, đảm bảo thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Sở Tư pháp là cơ quan chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh theo dõi thi hành pháp luật trong phạm vi quản lý.

2. Tồn tại, hạn chế

Một số cơ quan, địa phương chưa thật sự quan tâm nhiều đến công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật nên việc triển khai công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật nói chung và theo dõi tình hình thi hành Luật năm 2015 nói riêng còn hạn chế.

Công chức thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật còn hạn chế về chất lượng và số lượng, chưa dành nhiều thời gian để thực hiện nhiệm vụ này; nội dung hoạt động theo dõi thi hành pháp luật rộng nên việc thực hiện còn thiếu sót.

II. TÌNH HÌNH THI HÀNH LUẬT BAN HÀNH VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

1. Tình hình tổ chức triển khai thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật

1.1. Về tổ chức triển khai thi hành văn bản quy phạm pháp luật

Sau khi Quốc hội khóa XIII thông qua Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015; ngày 15 tháng 10 năm 2015, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch số 96/KH-UBND về triển khai thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, trong đó nhấn mạnh 4 nội dung chính sau:

- Tổ chức quán triệt việc thi hành và phổ biến Luật năm 2015;
- Tổ chức rà soát các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành liên quan đến Luật năm 2015 để đề xuất cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới văn bản quy phạm pháp luật, đảm bảo thi hành hiệu quả Luật năm 2015;
- Tổ chức tập huấn chuyên sâu và bồi dưỡng nghiệp vụ xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật;
- Rà soát đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác xây dựng, soạn thảo, thẩm định, kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật ở tất cả các sở, ban, ngành cấp tỉnh và cấp huyện để có biện pháp bố trí cán bộ đủ năng lực làm công tác này.

Trên cơ sở kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành kế hoạch triển khai thực hiện, quan tâm, bố trí, sắp xếp đội ngũ công chức và đảm bảo điều kiện về cơ sở vật chất, phương tiện làm việc để thi hành Luật.

Sở Tư pháp là cơ quan giúp UBND tỉnh hướng dẫn và trao đổi kết quả thực hiện của các sở, ngành và UBND cấp huyện việc ban hành văn bản triển khai thực hiện đúng theo quy định của Luật năm 2015 và Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.

Ngày 09 tháng 01 năm 2017, Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức Hội nghị trực tuyến tập huấn công tác ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo quy định của Luật năm 2015 và Nghị định số 34/2016/NĐ-CP tại địa phương.

Ngày 13 tháng 02 năm 2017, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành văn bản hướng dẫn các sở, ban, ngành cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND tỉnh theo quy định của Luật năm 2015 và Nghị định số 34/2016/NĐ-CP và Hướng dẫn

các sở, ban, ngành cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện quy trình lập đề nghị xây dựng nghị quyết của HĐND và quyết định của UBND theo quy định của Luật năm 2015 và Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.

Ủy ban nhân dân tỉnh có văn bản yêu cầu Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định tại Khoản 2, Điều 8 và Khoản 1, Điều Luật năm 2015. Thực hiện việc lấy ý kiến và đăng tải dự thảo văn bản quy phạm pháp luật trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh theo quy định của Luật năm 2015 và Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.

1.2. Tình hình ban hành văn bản quy định chi tiết văn bản quy phạm pháp luật

a) Tính kịp thời, đầy đủ của việc ban hành văn bản quy định chi tiết

- Kết quả, tiến độ rà soát văn bản quy phạm pháp luật:

Hàng năm, Ủy ban nhân dân tỉnh đều ban hành kế hoạch kiểm tra, xử lý và rà soát văn bản quy phạm pháp luật, trong đó công tác rà soát văn bản quy phạm pháp luật được thực hiện theo đúng quy định tại Chương IX, Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.

Sau khi cơ quan có thẩm quyền ban hành các văn bản làm căn cứ để rà soát, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các cơ quan chuyên môn tiến hành việc rà soát các văn bản quy định chi tiết ở địa phương và tham mưu xử lý theo quy định của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.

Về rà soát theo chuyên đề, lĩnh vực: Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo rà soát văn bản như:

- Rà soát và xử lý văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh hết hiệu lực theo quy định của Luật Đầu tư năm 2014.

- Rà soát, lập danh mục và tự kiểm tra văn bản do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành có liên quan đến lĩnh vực đất đai, khoáng sản và môi trường.

- Rà soát những bất cập, chồng chéo, vướng mắc giữa các quy định của pháp luật có liên quan đến việc tiếp cận đất đai của người dân và doanh nghiệp.

Ngày 17 tháng 11 năm 2017, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Công văn số 1771/UBND-NCPC đề nghị các sở, ban, ngành cấp tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện chủ động đề xuất xây dựng, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành các biện pháp, chính sách thi hành các Luật được Quốc hội khóa XIV thông qua tại kỳ họp thứ 3.

Ngày 21 tháng 11 năm 2017, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 2495/QĐ-UBND giao cho các cơ quan chuyên môn tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các Quyết định quy định chi tiết các Luật được Quốc hội Khóa XIV thông qua tại kỳ họp thứ 3.

- Kết quả, tiến độ ban hành văn bản.

Qua kết quả rà soát, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo các sở, ngành kịp thời tham mưu ban hành các văn bản quy định chi tiết theo thẩm quyền được giao. Đến nay, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành 49 văn bản quy định chi tiết được Luật và các văn bản dưới Luật giao để triển khai thực hiện tại địa phương (có Bảng tổng hợp kết quả theo dõi tính kịp thời, đầy đủ của việc ban hành văn bản quy định chi tiết kèm theo). Tuy nhiên, việc tham mưu ban hành văn bản quy định chi tiết chưa kịp thời.

b) Tính thống nhất, đồng bộ, khả thi của văn bản quy định chi tiết

Ủy ban nhân dân tỉnh quan tâm chỉ đạo các cơ quan chuyên môn thực hiện việc rà soát theo chuyên đề, lĩnh vực; kịp thời tham mưu xử lý khi phát hiện các văn bản chồng chéo, mâu thuẫn, đối tượng điều chỉnh của văn bản không còn hoặc văn bản không còn phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

Việc xây dựng các văn bản quy định chi tiết ở địa phương luôn chú trọng tuân thủ quy định tại Điều 11 của Luật năm 2015 “Văn bản quy định chi tiết chỉ được quy định nội dung được giao và không được quy định lặp lại nội dung của văn bản được quy định chi tiết”. Do đó, hầu hết các văn bản quy định chi tiết ở địa phương đảm bảo được tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất, đồng bộ với các văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên.

Tuy nhiên, việc ban hành văn bản quy định chi tiết ở địa phương vẫn còn nội dung sai sót. Qua công tác kiểm tra văn bản, phát hiện 04 Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định chi tiết các Luật và văn bản dưới Luật có nội dung chưa đảm bảo được tính thống nhất và đồng bộ với các văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên (có danh mục kèm theo). Ngay sau khi phát hiện các văn bản ở địa phương chưa đảm bảo được tính thống nhất và đồng bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo các sở, ngành tham mưu xử lý văn bản theo quy định của pháp luật.

c) Đánh giá chung về tình hình ban hành văn bản quy định chi tiết

- Kết quả đạt được: Nhìn chung, tình hình ban hành văn bản quy định chi tiết ở địa phương được thực hiện tương đối tốt, chất lượng văn bản ngày càng được nâng lên, đảm bảo các yêu cầu về tính hợp hiến, hợp pháp của văn bản, đáp

ứng kịp thời yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương.

- Tồn tại, hạn chế: Theo quy định tại Điều 27 Luật năm 2015 thì Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành nghị quyết để quy định:

1. Chi tiết điều, khoản, điểm được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên;

2. Chính sách, biện pháp nhằm bảo đảm thi hành Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên;

3. Biện pháp nhằm phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách, quốc phòng, an ninh ở địa phương;

4. Biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Tuy nhiên, việc xác định thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành nghị quyết theo Khoản 1 và Khoản 2 Điều 27 Luật năm 2015 là chưa rõ ràng. Trong một số trường hợp, các cơ quan tham mưu ở địa phương gặp rất nhiều khó khăn trong việc xác định thẩm quyền của Hội đồng nhân dân được giao quy định chi tiết hay quy định biện pháp đảm bảo thi hành Luật và văn bản dưới Luật.

Qua kết quả rà soát văn bản, Ủy ban nhân dân trình Hội đồng nhân dân ban hành các nghị quyết được giao thẩm quyền trong các Luật và văn bản dưới Luật. Tuy nhiên, trong các văn bản này thông thường chỉ quy định Hội đồng nhân dân quy định một vấn đề, lĩnh vực để thực hiện ở địa phương (ví dụ, văn bản Trung ương quy định Ủy ban nhân dân trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định hỗ trợ giá thuê mặt bằng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tại các khu công nghiệp, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp trên địa bàn; tuy nhiên, không quy định trước mức hỗ trợ tối đa hoặc tối thiểu, giao Hội đồng nhân dân quy định chi tiết) dẫn đến rất khó xác định nội dung được giao quy định chi tiết hay giao quy định biện pháp để đảm bảo thực hiện văn bản đã giao.

Đồng thời, tại Khoản 2, Điều 11 Luật năm 2015 quy định: “Dự thảo văn bản quy định chi tiết phải được chuẩn bị và trình đồng thời với dự án luật, pháp lệnh và phải được ban hành để có hiệu lực cùng thời điểm có hiệu lực của văn bản hoặc điều, khoản, điểm được quy định chi tiết”. Tuy nhiên, hiện nay một số Luật đã được Quốc hội thông qua nhưng các nghị định, thông tư quy định chi tiết chưa được ban hành kịp thời nên việc rà soát các văn bản có nội dung giao cho địa phương quy định chi tiết gặp nhiều khó khăn.

Ngoài ra, theo quy định tại Điều 30 của Luật năm 2015 thì Hội đồng nhân dân cấp huyện, cấp xã ban hành nghị quyết, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã ban hành quyết định để quy định những vấn đề được luật giao, nhưng trên thực tế

rất ít trường hợp các Luật của Quốc hội giao thẩm quyền cho Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã trong khi yêu cầu quản lý nhà nước tại cấp huyện, cấp xã cần thiết phải được đảm bảo bằng những văn bản quy phạm pháp luật.

- Nguyên nhân:

Do số lượng văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương quá lớn, liên quan đến nhiều ngành, nhiều lĩnh vực nên công tác rà soát văn bản chưa đảm bảo được tính kịp thời dẫn đến việc tham mưu ban hành văn bản còn chậm trễ. Bên cạnh đó, một số sở, ngành chưa thực sự quan tâm đến công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, chưa chủ động rà soát, tham mưu cơ quan có thẩm quyền ban hành theo quy định. Mặt khác, trình độ chuyên môn của công chức tham gia soạn thảo, thẩm định văn bản quy phạm pháp luật còn hạn chế dẫn đến việc ban hành văn bản quy định chi tiết có nội dung chưa thống nhất, đồng bộ với các văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên.

2. Tình hình bảo đảm điều kiện cho thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật

2.1. Kết quả theo dõi tính kịp thời, đầy đủ của công tác tập huấn Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật

Sau khi Luật năm 2015 được Quốc hội thông qua ngày 22 tháng 6 năm 2015, Bộ Tư pháp đã tổ chức nhiều Hội nghị tập huấn triển khai Luật và Nghị định hướng dẫn thi hành; các Hội nghị chuyên đề về công tác xây dựng, soạn thảo, thẩm định, kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật; Hội nghị chuyên đề về xây dựng chính sách và đánh giá tác động của chính sách. Ủy ban nhân dân tỉnh cử nhiều lượt công chức làm công tác pháp chế tại các sở, ngành tham dự các buổi tập huấn chuyên sâu do Bộ Tư pháp tổ chức.

Ngày 09 tháng 01 năm 2017, Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức hội nghị trực tuyến tập huấn công tác ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo quy định của Luật năm 2015 và Nghị định số 34/2016/NĐ-CP với sự tham dự của đại diện lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh; Văn phòng và các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh; đại diện lãnh đạo và công chức pháp chế các Sở, ban, ngành cấp tỉnh; công chức thuộc các phòng chuyên môn của Sở Tư pháp; đại diện Thường trực Hội đồng nhân dân cấp huyện, cấp xã; Thường trực Ủy ban nhân dân cấp huyện; Văn phòng và các Ban thuộc Hội đồng nhân dân cấp huyện; các phòng, ban cấp huyện; Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; Công chức Văn phòng – Thống kê; Công chức Tư pháp – Hộ tịch.

Tại cấp huyện, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức hướng dẫn, tập huấn bổ sung cho các công chức Tư pháp - Hộ tịch các nội dung liên quan đến việc xây dựng, góp ý văn bản quy phạm pháp luật.

Ngày 27 tháng 3 năm 2017, Ủy ban nhân dân tỉnh phối hợp với Bộ Tư pháp tổ chức thành công hội nghị tập huấn cho báo cáo viên nguồn ở các cơ quan nhà nước ở địa phương về quy trình chính sách và đánh giá tác động của chính sách tổ chức tại tỉnh Kiên Giang. Hội nghị tập trung vào 4 chuyên đề: Quy trình lập đề nghị xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh; đánh giá tác động chính sách; đánh giá tác động của thủ tục hành chính; thẩm định, hoàn thiện hồ sơ đề nghị xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.

Qua các lớp tập huấn chuyên sâu, kiến thức chuyên môn và các kỹ năng nghiệp vụ về công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của các công chức trực tiếp tham gia xây dựng văn bản đã được nâng lên, từng bước đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ theo quy định của Luật năm 2015 và Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.

2.2. Kết quả theo dõi tính phù hợp của tổ chức bộ máy, biên chế, kinh phí cho thi hành pháp luật

Về tổ chức bộ máy, biên chế: Đội ngũ công chức tham mưu thực hiện nhiệm vụ xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, theo dõi thi hành pháp luật ở địa phương cơ bản đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Phòng Xây dựng và Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật thuộc Sở Tư pháp được bố trí 05 biên chế để thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn, trong đó có 02 biên chế trình độ thạc sĩ, 02 biên chế trình độ cử nhân chuyên ngành Luật và 01 biên chế trình độ cử nhân chuyên ngành Kinh tế - Chính trị.

Đối với các cơ quan chuyên môn khác: Có 02 Phòng Pháp chế được thành lập tại Sở Công Thương và Sở Giao thông vận tải; các cơ quan khác bố trí công chức chuyên trách hoặc kiêm nhiệm thực hiện nhiệm vụ pháp chế tại cơ quan.

Phòng Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện đều có bố trí công chức thực hiện nhiệm vụ xây dựng, kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật, theo dõi thi hành pháp luật theo quy định. Ở cấp xã, công chức Tư pháp - Hộ tịch được giao thực hiện nhiệm vụ soạn thảo, góp ý văn bản quy phạm pháp luật.

Tuy nhiên, các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ có 02 cơ quan được quy định thành lập tổ chức pháp chế, 05 cơ quan có công chức chuyên trách về pháp chế, còn lại đều bố trí công chức kiêm nhiệm.

Ở cấp huyện, cấp xã: Công chức thực hiện nhiệm vụ thi hành Luật năm 2015 chủ yếu được bố trí kiêm nhiệm nên chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ đặt ra. Công tác tự kiểm tra, kiểm tra theo thẩm quyền và xử lý văn bản chưa đảm bảo theo yêu cầu; công chức làm công tác này còn hạn chế về chuyên môn; một số công chức không có trình độ chuyên môn về luật, nên chất lượng về công tác văn bản chưa đạt yêu cầu.

Về kinh phí: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật; Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 103/2017/NQ-HĐND ngày 20/7/2017 quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật trên địa bàn tỉnh Kiên Giang. Theo đó, định mức phân bổ kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật đối với văn bản được ban hành mới ở cấp tỉnh là 10.000.000 đồng/văn bản, cấp huyện là 8.000.000 đồng/văn bản, cấp xã là 6.000.000 đồng/văn bản; đối với văn bản sửa đổi, bổ sung ở cấp tỉnh là 8.000.000 đồng/văn bản, cấp huyện là 6.400.000 đồng/văn bản, cấp xã là 4.800.000 đồng/văn bản. Nguồn kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật ở địa phương được bố trí bằng mức tối đa theo quy định của Trung ương. Tuy nhiên, định mức phân bổ kinh phí còn quá thấp, chưa đảm bảo so với yêu cầu công việc; một số công việc thực hiện trên thực tế nhưng không có mức chi hoặc mức chi cho một số công việc chưa cụ thể. Cụ thể như sau:

- Để xây dựng một văn bản quy phạm pháp luật, cơ quan tham mưu cần thực hiện nhiều nhiệm vụ theo quy định của Luật năm 2015 và Nghị định số 34/2016/NĐ-CP nên mức chi theo quy định hiện hành là chưa đảm bảo, nhất là đối với các văn bản phức tạp cần lấy ý kiến nhiều lần đối với nhiều đối tượng. Bên cạnh đó, mức chi cho báo cáo đánh giá tác động của chính sách hoặc báo cáo đánh giá tác động của văn bản là 6.000.000 đồng/văn bản cấp tỉnh; 4.800.000 đồng/văn bản cấp huyện và 3.800.000 đồng/văn bản cấp xã nhưng không quy định rõ nguồn kinh phí nên việc chi cho nhiệm vụ này còn gặp nhiều vướng mắc vì nếu chỉ trong định mức phân bổ cho một văn bản thì không đủ kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ khác.

- Tại Khoản 2, Điều 5 Thông tư số 338/2016/TT-BTC quy định: “2. Ngoài định mức phân bổ kinh phí quy định tại Khoản 1 Điều này, căn cứ vào khả năng nguồn kinh phí, trong trường hợp cần thiết Thủ trưởng cơ quan, đơn vị chủ trì sắp

xếp, bố trí một khoản kinh phí từ nguồn ngân sách chi thường xuyên đã được giao để hỗ trợ cho việc thực hiện các hoạt động có liên quan trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật”. Tuy nhiên, việc bố trí kinh phí từ nguồn ngân sách chi thường xuyên của cơ quan, đơn vị để chi cho nhiệm vụ xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật là chưa phù hợp.

- Luật năm 2015 và Nghị định số 34/2016/NĐ-CP có quy định về quy trình thẩm định đề nghị xây dựng nghị quyết đối với các nghị quyết thuộc Khoản 2, Khoản 3 và Khoản 4 Điều 27 Luật năm 2015 nhưng quy định về mức chi cho công tác thẩm định thì chỉ có mức chi cho thẩm định đối với dự thảo văn bản quy phạm pháp luật, trong khi việc thẩm định đề nghị xây dựng nghị quyết ban hành chính sách mới ở địa phương có mức độ phức tạp tương ứng thậm chí cao hơn so với dự thảo văn bản quy phạm pháp luật.

2.3. Đánh giá chung tình hình bảo đảm các điều kiện (cơ sở vật chất, nguồn kinh phí, nhân lực) cho thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật

- Kết quả đạt được: Ủy ban nhân dân tỉnh đã quan tâm bố trí biên chế, kinh phí, cơ sở vật chất để phục vụ cho thi hành Luật năm 2015; số lượng và trình độ chuyên môn nghiệp vụ của công chức làm công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật ngày càng được nâng lên để đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ; việc quản lý, sử dụng kinh phí phục vụ cho công tác này được sử dụng từ nguồn kinh phí do ngân sách nhà nước cấp và thực hiện đúng chế độ, đúng đối tượng, đúng mục đích, bảo đảm tiết kiệm, chống lãng phí; cơ sở vật chất, trang thiết bị làm việc, các điều kiện hỗ trợ như Công báo, tài liệu tham khảo, cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật, máy vi tính, mạng Internet đã được trang bị đầy đủ, đồng bộ.

- Tồn tại, hạn chế: Định mức phân bổ kinh phí cho công tác xây dựng văn bản còn thấp so với yêu cầu của công việc. Mức phân bổ chưa thực sự hợp lý khi so sánh với chi hỗ trợ cho công tác khác có cùng tính chất, mức độ phức tạp.

- Nguyên nhân: Về cơ cấu tổ chức của Phòng Pháp chế theo Nghị định số 55/2011/NĐ-CP ngày 04/7/2011 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của tổ chức pháp chế và các nghị định, thông tư quy định chức năng, nhiệm vụ của sở, ngành thì cơ cấu tổ chức không có Phòng Pháp chế, do vậy việc bố trí nhân lực thực hiện nhiệm vụ tham mưu xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của các cơ quan cấp tỉnh còn nhiều khó khăn.

3. Tình hình tuân thủ quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật

3.1. Về lập đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật

a) Số lượng văn bản đã tiến hành lập đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật:

Qua hơn 02 năm triển khai thực hiện Luật năm 2015 và Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, các cơ quan tham mưu xây dựng văn bản quy phạm pháp luật ở cấp tỉnh đã tiến hành lập 146 đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, gồm: 76 đề nghị xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định tại Khoản 1, Điều 27 Luật năm 2015; 01 đề nghị xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định tại Khoản 3, Điều 27 Luật năm 2015 và Điều 69 đề nghị xây dựng quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Những hoạt động được triển khai khi lập và thẩm định đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật:

- Đề nghị xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định tại Khoản 1, Điều 27 Luật năm 2015:

Cơ quan tham mưu soạn thảo văn bản xây dựng tờ trình đề nghị xây dựng nghị quyết theo Mẫu số 02, Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định 34/2016/NĐ-CP; thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh họp thông qua Tờ trình đề nghị, trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

- Đề nghị xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định tại Khoản 3, Điều 27 Luật năm 2015:

Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện việc lập đề nghị xây dựng nghị quyết ban hành Đề án phát triển nguồn nhân lực tỉnh Kiên Giang đến năm 2020 và những năm tiếp theo. Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, cơ quan soạn thảo xây dựng nội dung các chính sách; đánh giá tác động của chính sách; tổ chức họp lấy ý kiến Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh và các sở, ban, ngành cấp tỉnh; xây dựng báo cáo đánh giá tác động của chính sách; lấy ý kiến Bộ Kế hoạch và Đầu tư theo quy định; đăng toàn văn hồ sơ đề nghị xây dựng nghị quyết lên Cổng thông tin điện tử của tỉnh để lấy ý kiến Nhân dân; tổng hợp và gửi hồ sơ đề nghị xây dựng nghị quyết đến Sở Tư pháp để thẩm định; thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh họp thông qua Tờ trình đề nghị xây dựng nghị quyết, trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

- Đề nghị xây dựng quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh:

Thực hiện theo quy định của Luật năm 2015 và Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 07 tháng 6 năm 2017, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Công văn số

863/UBND-NCPC hướng dẫn các sở, ban, ngành cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện quy trình lập đề nghị xây dựng nghị quyết của HĐND và Quyết định của UBND theo quy định của Luật năm 2015 và Nghị định số 34/2016/NĐ-CP. Theo đó, cơ quan lập đề nghị xây dựng quyết định gửi Tờ trình đề nghị xây dựng quyết định đến Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh để tổng hợp; Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp xem xét, kiểm tra việc đề nghị xây dựng văn bản, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

c) Việc thẩm định đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật chỉ áp dụng đối với nghị quyết thuộc các Khoản 2, Khoản 3 và Khoản 4 Điều 27 Luật năm 2015. Thực hiện theo quy định tại Luật năm 2015 và Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, Sở Tư pháp tổ chức họp tư vấn thẩm định đề nghị xây dựng Nghị quyết với sự tham gia của đại diện Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh và các Sở: Tài chính; Nội vụ; Lao động, Thương binh và Xã hội và các sở, ngành khác có liên quan theo quy định tại Điểm c, Khoản 2, Điều 13 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.

d) *Những khó khăn, vướng mắc trong quá trình lập đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật:*

Trên thực tế quy trình lập đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật theo quy định của Luật năm 2015 và Nghị định số 34/2015/NĐ-CP vẫn còn một số tồn tại nhất định. Các khó khăn, vướng mắc chủ yếu từ quy trình lập đề nghị xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định tại Khoản 2, Khoản 3 và Khoản 4, Điều 27 Luật năm 2015, cụ thể như sau:

Việc xác định cụ thể và rõ ràng một chính sách còn gặp nhiều khó khăn vì theo giải thích từ ngữ tại Khoản 1, Điều 2 Nghị định số 36/2014/NĐ-CP thì “*Chính sách là định hướng, giải pháp của nhà nước để giải quyết vấn đề của thực tiễn nhằm đạt được mục tiêu nhất định*”. Nội hàm của khái niệm này chưa được giải thích rõ ràng nên chưa có sự thống nhất với nhau trong việc hiểu và áp dụng về chính sách. Do đó, việc xác định nội dung chính sách và nội dung cần thực hiện việc phân tích, đánh giá tác động của chính sách còn gặp nhiều lúng túng. Đồng thời, việc quy định các nghị quyết tại Khoản 2, Khoản 3 và Khoản 4, Điều 27 Luật năm 2015 đều phải thực hiện quy trình phân tích và đánh giá tác động của chính sách trong một số trường hợp là không thực sự cần thiết dẫn đến việc xây dựng chính sách, đánh giá tác động của chính sách còn mang tính hình thức, hiệu quả chưa cao.

Ngoài ra, theo quy định tại Khoản 3, Điều 127 Luật năm 2015 thì Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp xem xét, kiểm tra việc đề nghị ban hành quyết định, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết



thuận đề nghị, tiến hành soạn thảo, lấy ý kiến, thẩm định đến quá trình thông qua, ký ban hành... cơ bản được thực hiện đầy đủ, đúng quy định.

- Việc tham mưu ban hành văn bản quy phạm pháp luật còn chậm. Ngoài ra, ở cấp huyện và cấp xã vẫn còn văn bản sai sót thể thức, kỹ thuật trình bày văn bản theo quy định; sao chép lại nội dung của văn bản quy phạm pháp luật ở cấp trên; ngôn ngữ, văn phong pháp lý trong nhiều văn bản chưa được sử dụng chuẩn xác; cách diễn đạt ngôn từ khó hiểu hoặc hiểu theo nhiều nghĩa, dẫn đến tình trạng thiếu nhất quán trong áp dụng, thi hành.

3.3. Về kiểm soát thủ tục hành chính trong văn bản quy phạm pháp luật

- Ủy ban nhân dân tỉnh đã trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua 01 Nghị quyết có nội dung quy định thủ tục hành chính, Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành theo thẩm quyền được giao trong Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

- Theo quy định tại Khoản 4, Điều 27 và Khoản 3, Điều 28 Luật năm 2015 thì Hội đồng nhân dân tỉnh có thẩm quyền ban hành nghị quyết để quy định biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương; Ủy ban nhân dân tỉnh có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật để quy định biện pháp thực hiện chức năng quản lý nhà nước ở địa phương. Tuy nhiên, một số văn bản dưới luật giao hoặc qua thực tế địa phương phát sinh các nội dung cần quy định thủ tục hành chính để triển khai thực hiện. Trong trường hợp này, nếu địa phương không quy định trình tự, hồ sơ, yêu cầu, điều kiện và cách thức thực hiện... sẽ dẫn đến việc tùy tiện trong tổ chức thực hiện, không đảm bảo được tính công khai, minh bạch hoặc cơ quan thực hiện tự quy định các mẫu đơn, tờ khai và trình tự, thủ tục để hướng dẫn các tổ chức, cá nhân gây khó khăn, phiền hà và không đồng bộ trên địa bàn. Do đó, việc Luật năm 2015 cấm quy định thủ tục hành chính ở địa phương làm hạn chế tính linh hoạt, chủ động của địa phương trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015. Cụ thể: Thông tư số 07/2014/TT-BKHCN; Thông tư số 09/2014/TT-BKHCN; Thông tư số 10/2014/TT-BKHCN; Thông tư số 11/2014/TT-BKHCN ngày 26 tháng 5 năm 2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ giao địa phương vận dụng các quy định về tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia để ban hành quy định tổ chức thực hiện đối với đề tài, dự án cấp tỉnh, cấp cơ sở. Tuy nhiên, do dự thảo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh có các nội dung quy định về thủ tục hành chính nên vi phạm điều cấm của Luật năm 2015, do đó đến nay vẫn chưa ban

hành được. Vì vậy, đến nay vẫn còn nhiều lĩnh vực cần quản lý ở địa phương chưa ban hành được bằng văn bản quy phạm pháp luật do vướng thủ tục hành chính.

- Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính, các cơ quan chủ trì soạn thảo đã lấy ý kiến Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, tiếp thu ý kiến đóng góp và tiến hành đánh giá tác động của thủ tục hành chính theo quy định trước khi gửi hồ sơ đến Sở Tư pháp, sau khi tiếp nhận hồ sơ, Sở Tư pháp tổ chức thẩm định các quy định về thủ tục hành chính và thể hiện kết quả thẩm định các nội dung có quy định thủ tục hành chính vào báo cáo thẩm định dự thảo văn bản quy phạm pháp luật theo quy định.

3.4. Về lồng ghép giới trong văn bản quy phạm pháp luật

Theo quy định Luật năm 2015 việc đánh giá tác động về giới trong trường hợp văn bản có quy định lồng ghép về giới là một nội dung bắt buộc trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật ở địa phương. Tuy nhiên, từ thời điểm Luật năm 2015 có hiệu lực các văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh không có nội dung lồng ghép về giới nên chưa thực hiện hoạt động đánh giá tác động về giới.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Đề nghị Bộ Tư pháp nghiên cứu, tham mưu Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 34/2016/NĐ-CP để giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật ở địa phương, cụ thể như sau:

- Giải thích rõ nội hàm của hai từ “chính sách” tại Khoản 1, Điều 2, vì hầu hết các văn bản quy phạm pháp luật được ban hành đều là giải pháp của Nhà nước để giải quyết các vấn đề trong thực tiễn nhằm đạt được những mục tiêu nhất định. Như vậy, giải thích từ ngữ như quy định hiện hành là chưa rõ ràng và rất khó xác định.

- Hướng dẫn cụ thể quy định tại Điều 27 Luật năm 2015, trong đó phân biệt rõ thế nào là nghị quyết quy định chi tiết và nghị quyết quy định biện pháp để đảm bảo thi hành Luật và văn bản dưới luật.

- Theo quy định tại Khoản 1, Điều 127 Luật năm 2015 quy định: “Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm đề nghị xây dựng quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh”. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện gây khó khăn cho các cơ quan ngành dọc đóng tại địa bàn tỉnh như: Công an, quân sự, biên phòng,... khi triển khai thực hiện văn bản quy phạm của Trung ương có nội dung giao Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định đối với một lĩnh vực cụ thể như: An ninh – quốc phòng, thì cơ quan ngành dọc không

thuộc cơ quan chuyên môn của UBND cấp tỉnh nên gây khó khăn cho việc tham mưu xử lý đối với quy định của Trung ương. Vậy nên cần mở rộng cơ quan đề nghị xây dựng quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cho phù hợp với thực tế.

- Kiến nghị với Bộ Tài chính sửa đổi Thông tư số 338/2016/TT-BTC vì nội dung chi chưa đầy đủ và mức chi xây dựng văn bản quy phạm pháp luật ở địa phương quá thấp, không đảm bảo phù hợp với nội dung và yêu cầu nhiệm vụ đặt ra.

- Quan tâm, có chính sách ưu đãi đối với công chức hoạt động trong lĩnh vực xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

- Để xác định vấn đề lồng ghép về giới, tiến hành đánh giá theo quy định của Luật năm 2015, đề nghị Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp với các Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội và các Bộ, ngành có liên quan nghiên cứu hoàn thiện các quy định của pháp luật về bình đẳng giới, tăng cường việc đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn; tổ chức hội thảo để trao đổi chuyên đề bình đẳng giới, lồng ghép về giới và đánh giá tác động về giới trong văn bản quy phạm pháp luật ở địa phương.

Trên đây là báo cáo kết quả theo dõi tình hình thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 của UBND tỉnh Kiên Giang báo cáo Bộ Tư pháp được biết./. *HT*

Nơi nhận:

- Bộ Tư pháp;
- Cục Công tác phía Nam (Bộ Tư pháp);
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Ủy ban nhân dân cấp huyện;
- LĐVP, P. NCPC;
- Lưu: VT, STP, nttrtrng "HT".

CHỦ TỊCH



Phạm Vũ Hồng

Mẫu số 2
BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ THEO DÕI TÍNH KỊP THỜI, ĐẦY ĐỦ CỦA VIỆC BAN HÀNH
VĂN BẢN QUY ĐỊNH CHI TIẾT (*)

(Kèm theo Báo cáo số 268/BC-UBND ngày 24/9/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

STT	Văn bản được quy định chi tiết			Văn bản quy định chi tiết								Ghi chú
	Tên, số, ký hiệu văn bản	Ngày có hiệu lực	Tổng số nội dung giao quy định chi tiết	Tổng số nội dung đã quy định chi tiết	Tên văn bản quy định chi tiết	Thời gian ban hành (theo kế hoạch)	Tình trạng hiện nay					
							Đã ban hành (Ngày có hiệu lực)	Chưa ban hành				
								Đang soạn thảo	Thẩm định	Thẩm tra	Đã trình	
-1	-2	-3	-4	-5	-6	-7	-8	-9	-10	-11	-12	-13
I. Luật, Pháp lệnh												
NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH												
1	Luật Khám bệnh, chữa bệnh	01/01/2011	K4, Đ88	1	Nghị quyết số 68/2016/NQ-HĐND ngày 19/12/2016		29/12/2016					
2	Bộ luật Lao động	01/05/2013	K1, Đ13	1	Nghị quyết số 169/2018/NQ-HĐND ngày 24/7/2018		03/08/2018					
3	Luật Đất đai	01/07/2014	K3, Đ45; K1, Đ58	1	Nghị quyết số 58/2016/NQ-HĐND ngày 19/12/2016		29/12/2016					

4	Luật Đầu tư công	01/01/2015	K2, Đ68; Đđ, K1, Đ91	2	Nghị quyết số 59/2016/NQ-HĐND ngày 19/12/2016		29/12/2016					
			Đđ, K1, Đ91; Đđ, K2, Đ92		Nghị quyết số 60/2016/NQ-HĐND ngày 19/12/2016		29/12/2016					
5	Luật Đất đai	01/07/2014	Đh, K3, Đ19	1	Nghị quyết số 57/2016/NQ-HĐND ngày 19/12/2016		29/12/2016					
6	Luật Tổ chức chính quyền địa phương	01/01/2016	K2, Đ45	2		Nghị quyết số 65/2016/NQ-HĐND ngày 19/12/2016			29/12/2016			
			Đa, K3, Đ19									
7	Luật Ngân sách nhà nước	01/01/2017	Đ69	5	Nghị quyết số 160/2018/NQ-HĐND ngày 24/7/2018		03/08/2018					
			K3, Đ9; K2, Đ39		Nghị quyết số 51/2016/NQ-HĐND ngày 13/12/2016		24/12/2016					
			K2, Đ30		Nghị quyết số 52/2016/NQ-HĐND ngày 13/12/2016		24/12/2016					

			Đd, K9, Đ30		Nghị quyết số 53/2016/NQ- HĐND ngày 13/12/2016		24/12/2016					
			Đd, K1, Đ30		Nghị quyết số 63/2016/NQ- HĐND ngày 19/12/2016		29/12/2016					
8	Luật Quản lý nợ công	01/01/2010	K2, K3 Đ14	1								
			Đ5.1, 5.3, 5.4 K5, Mục IX, Danh mục Phí, PL số 1		Nghị quyết số 122/2018/NQ- HĐND ngày 08/01/2018		18/01/2018					
			K4, Mục I, Danh mục Lệ phí, PL số 1		Nghị quyết số 123/2018/NQ- HĐND ngày 08/01/2018		18/01/2018					
			K2, Mục III, Danh mục Lệ phí, PL số 1		Nghị quyết số 124/2018/NQ- HĐND ngày 08/01/2018		18/01/2018					

9	Luật Phí và Lệ phí	01/01/2017	K2, Mục II, Danh mục Lệ phí, PL số 1	15	Nghị quyết số 125/2018/NQ-HĐND ngày 08/01/2018		18/01/2018						
			K3, Mục IX, Danh mục Phí, PL 1		Nghị quyết số 126/2018/NQ-HĐND ngày 08/01/2018		18/01/2018						
			Đ1.4, Mục IX, Danh mục Phí, PL 1		Nghị quyết số 127/2018/NQ-HĐND ngày 08/01/2018		18/01/2018						
			K4, Mục VII, Danh mục Phí, PL 1		Nghị quyết số 129/2018/NQ-HĐND ngày 08/01/2018		18/01/2018						
			Đ 1.5, Mục IX, Danh mục Phí, PL 1		Nghị quyết số 130/2018/NQ-HĐND ngày 08/01/2018		18/01/2018						

K8, Mục XII, Danh mục Phí, PL 1	Nghị quyết số 131/2018/NQ-HĐND ngày 08/01/2018		18/01/2018					
Đ7.2, K7, Mục IX, Danh mục phí, PL 1	Nghị quyết số 132/2018/NQ-HĐND ngày 08/01/2018		18/01/2018					
K3, Mục II, Danh mục lệ phí, PL 1	Nghị quyết số 140/2018/NQ-HĐND ngày 08/01/2018		18/01/2018					
K2, K3, Mục I, Danh mục Lệ phí, PL 1	Nghị quyết số 141/2018/NQ-HĐND ngày 08/01/2018		18/01/2018					
Đ5.2, K5, Mục IX, Danh mục Phí, PL 1	Nghị quyết số 142/2018/NQ-HĐND ngày 08/01/2018		18/01/2018					



			Đ2.1, K2, Mục XII, Danh mục Phí, PL 1		Nghị quyết số 143/2018/NQ- HĐND ngày 08/01/2018		18/01/2018					
			K7, Mục I, Danh mục lệ phí, PL 1		Nghị quyết số 144/2018/NQ- HĐND ngày 08/01/2018		18/01/2018					
QUYẾT ĐỊNH CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH												
10	Luật Khoáng sản	01/07/2011	K4, Đ78	1	Quyết định số 21/2016/QĐ- UBND ngày 29/7/2016		08/08/2016					
11	Luật Đất đai	01/07/2014	K2, Đ162	1	Quyết định số 25/2017/QĐ- UBND ngày 21/7/2017		20/08/2017					
12	Luật Công chứng	01/01/2015	Đd, đ K1, Đ70	2	Quyết định số 11/2016/QĐ- UBND ngày 29/3/2016 Quyết định số 19/2018/QĐ- UBND ngày 16/7/2018		07/4/2016 27/7/2018					



13	Luật Xây dựng	01/01/2015	K2, Đ103	1	Quyết định số 36/2016/QĐ- UBND ngày 22/12/2016		01/01/2017					
II. Văn bản dưới luật												
NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH												
14	Nghị định số 15/2012/NĐ-CP	25/04/2012	K5, Đ9	1	Nghị quyết số 56/2016/NQ- HĐND ngày 19/12/2016		29/12/2016					
15	Nghị định số 29/2013/NĐ-CP	01/06/2013	K5, Đ1	1	Nghị quyết số 77/2017/NQ- HĐND ngày 20/7/2017		30/07/2017					
16	Nghị định số 105/2014/NĐ- CP	01/01/2015	K4, Đ3	1	Nghị quyết số 81/2017/NQ- HĐND ngày 20/7/2017		30/07/2017					
17	Nghị định số 86/2015/NĐ-CP	01/12/2015	K6, Đ5	1	Nghị quyết số 80/2017/NQ- HĐND ngày 20/7/2017		30/07/2017					
			K6, Đ5	1	Nghị quyết số 55/2016/NQ-							

18	Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐT BXH	16/05/2016	K1, Đ3	1	35/2016/NQ-HĐND ngày 19/12/2016		29/12/2016					
19	Nghị định số 26/2016/NĐ-CP	01/06/2016	K2, Đ6	1	Nghị quyết số 62/2016/NQ-HĐND ngày 19/12/2016		29/12/2016					
20	Nghị định 164/2016/NĐ-CP	01/01/2017	K4, Đ4	1	Nghị quyết số 82/2017/NQ-HĐND ngày 20/7/2017		30/07/2017					
21	Quyết định số 48/2016/QĐ-TTg	15/12/2016	K1, Đ14	1	Nghị quyết số 95/2017/NQ-HĐND ngày 20/7/2017		30/07/2017					
22	Quyết định số 12/2017/QĐ-TTg	10/06/2017	K2, Đ5	1	Nghị quyết số 157/2018/NQ-HĐND ngày 20/7/2017		08/01/2018					
23	Thông tư số 05/2013/TT-BKHĐT	15/12/2013	Đ2	1	Nghị quyết số 61/2016/NQ-HĐND ngày 19/12/2016		29/12/2016					
24	Thông tư số 320/2016/TT-BTC	01/02/2017	K2, Đ7	1	Nghị quyết số 84/2017/NQ-HĐND ngày 20/7/2017		30/07/2017					

25	Thông tư số 327/2016/TT- BTC	01/03/2017	K2, Đ13	1	Nghị quyết số 86/2017/NQ- HĐND ngày 20/7/2017		30/07/2017					
26	Thông tư số 337/2016/TT- BTC	15/02/2017	K2, Đ7	1	Nghị quyết số 94/2017/NQ- HĐND ngày 20/7/2017		30/07/2017					
27	Thông tư số 338/2017/TT- BTC	15/02/2017	K1, Đ7	1	Nghị quyết số 103/2017/NQ- HĐND ngày 20/7/2017		30/07/2017					
28	Thông tư số 339/2016/TT- BTC	15/02/2017	K1, Đ6	1	Nghị quyết số 93/2017/NQ- HĐND ngày 20/7/2017		30/07/2017					
29	Thông tư số 02/2017/TT- BTC	22/02/2017	K2, Đ4	1	Nghị quyết số 96/2017/NQ- HĐND ngày 20/7/2017		30/07/2017					
30	Thông tư số 02/2017/TT- BYT	01/06/2017	K2, Đ3	1	Nghị quyết số 120/2017/NQ- HĐND ngày 20/7/2017		08/01/2018					

31	Thông tư số 15/2017/TT- BTC	02/04/2017	Đa, K1, Đ8; K1, Đ9; K1, Đa, K2, Đ10; Đc, K6, Đ19; K10, Đ21		Nghị quyết số 161/2018/NQ- HĐND ngày 24/7/2018		03/08/2018					
32	Thông tư số 19/2017/TT- BTC	15/04/2017	K1, Đ6		Nghị quyết số 164/2018/NQ- HĐND ngày 24/7/2018		03/08/2018					
33	Thông tư số 40/2017/BTC	01/07/2017	K3, Đ14	1	Nghị quyết số 90/2017/NQ- HĐND ngày 20/7/2017		30/07/2017					
34	Thông tư số 63/2017/TT- BTC	15/08/2017	K1, Đ3		Nghị quyết số 165/2018/NQ- HĐND ngày 24/7/2018		03/08/2018					
35	Thông tư số 121/2017/TT- BTC	01/01/2018	K1, Đ6		Nghị quyết số 162/2018/NQ- HĐND ngày 24/7/2018		03/08/2018					
QUYẾT ĐỊNH CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH												



36	Nghị định số 80/2014/NĐ-CP	01/01/2015	Đ46	1	Quyết định số 01/2018/QĐ-UBND ngày 18/01/2018		28/01/2018					
37	Nghị định số 149/2016/NĐ-CP	01/01/2017	K7, Đ1	8	Quyết định số 37/2016/QĐ-UBND ngày 22/12/2016		02/01/2017;					
					Quyết định số 38/2016/QĐ-UBND ngày 22/12/2016		01/01/2017					
					Quyết định số 39/2016/QĐ-UBND ngày 22/12/2016		01/01/2017					
					Quyết định số 02/2017/QĐ-UBND ngày 19/01/2017		29/01/2017					
					Quyết định số 03/2017/QĐ-UBND ngày 19/01/2017		29/01/2017					
					Quyết định số 04/2017/QĐ-UBND ngày 23/01/2017		05/02/2017					



					Quyết định số 05/2017/QĐ- UBND ngày 23/01/2017		02/02/2017					
					14/2017/QĐ- UBND ngày 03/3/2017		15/3/2017					
38	Nghị định số 164/2016/NĐ- CP	01/01/2017	K4, Đ5	1	Quyết định số 06/2018/QĐ- UBND ngày 04/5/2016		15/05/2018					
39	Nghị định số 01/2017/NĐ-CP	03/03/2017	K31, K34, K36, K59 Đ2	2	Quyết định số 19/2017/QĐ- UBND ngày 09/6/2017;		19/06/2017					
					Quyết định số 23/2017/QĐ- UBND ngày 30/6/2017		10/07/2017					
40	Quyết định số 50/2014/QĐ- TTg	01/01/2015	K3, Đ6	1	Quyết định số 08/2018/QĐ- UBND ngày 23/5/2018		03/06/2018					
41	Quyết định số 09/2015/QĐ- TTg	15/05/2015	K2, Đ12	1	Quyết định số 09/2016/QĐ- UBND ngày 18/02/2016		28/02/2016					
42	Quyết định số 08/2016/QĐ- TTg	10/04/2016	Đc, K2, Đ5	1	Quyết định số 24/2016/QĐ- UBND ngày 06/9/2016		17/09/2016					

43	Quyết định số 10/2017/QĐ-TTg	25/05/2017	K2, Đ16	1	Quyết định số 03/2018/QĐ-UBND ngày 06/4/2018		20/04/2018					
44	Thông tư số 86/2014/TT-BGTVT	15/03/2015	K2, Đ20; K1, Đ23	1	Quyết định số 16/2017/QĐ-UBND ngày 09/5/2017		19/05/2017					
45	Thông tư số 26/2015/TT-BLĐTBXH	01/09/2015	K1, Đ5	1	Quyết định số 11/2018/QĐ-UBND ngày 15/6/2018		25/06/2018					
46	Thông tư số 57/2015/TT-BCT	15/04/2016	Đa, K2, Đ11	1	Quyết định số 33/2016/QĐ-UBND ngày 14/10/2016		27/10/2016					
47	Thông tư số 152/2015/TT-BTC	20/11/2015	K5, Đ6	1	Quyết định số 10/2018/QĐ-UBND ngày 08/6/2018		18/06/2018					
48	Thông tư liên tịch số 04/2015/TTLT-BKHĐT-BTC-BNV	31/07/2015	Đ2	1	Quyết định số 07/2018/QĐ-UBND ngày 04/5/2018		15/05/2018					
49	Thông tư liên tịch số 198/2015/TTLT-BTC-BTNMT	20/01/2016	Đa, K2, Đ5	1	Quyết định số 34/2016/QĐ-UBND ngày 19/10/2016		29/10/2016					



Mẫu số 3
DANH MỤC VĂN BẢN QUY ĐỊNH CHI TIẾT CÓ NỘI DUNG
KHÔNG BẢO ĐẢM TÍNH THỐNG NHẤT, ĐỒNG BỘ (*)

(Kèm theo Báo cáo số 468 /BC-UBND ngày 24 /9/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

STT	Lĩnh vực	Tên văn bản quy định chi tiết	Điều khoản không bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ	Căn cứ pháp lý xác định nội dung không bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ	Tình trạng xử lý			Ghi chú
					Đã xử lý theo thẩm quyền	Đã kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý	Đã phát hiện nhưng chưa xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị xử lý	
-1	-2	-3	-4	-5	-6	-7	-8	-9
1	Tài nguyên và Môi trường	Quyết định số 21/2016/QĐ-UBND ngày 29/7/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp giấy phép của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang	Khoản 1, Khoản 3, Điều 3	Điều 78 Luật Khoáng sản; Khoản 2, Điều 4 và Điều 12 Nghị định số 15/2012/NĐ-CP	Thay thế			



2	Tài chính	Quyết định số 34/2016/QĐ-UBND ngày 19/10/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định mức thu tiền sử dụng khu vực biển để khai thác, sử dụng tài nguyên biển trên địa bàn tỉnh Kiên Giang	Không ban hành mức thu tiền sử dụng khu vực biển hàng năm	Điểm a, Khoản 2, Điều 5; Điểm a, Khoản 3, Điều 10 Thông tư liên tịch số 198/2015/TTLT-BTC-BTNMT ngày 07/12/2015	Thay thế			
3	Xây dựng	Quyết định số 36/2016/QĐ-UBND ngày 22/12/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định phân cấp quản lý cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang	Khoản 1, Khoản 3 và Khoản 4 Điều 4	Điều 13 Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Khoản 2, Khoản 3, Điều 103 Luật Xây dựng; Điểm b, Khoản 2, Điều 17 Thông tư số 15/2015/TT-BXD	Sửa đổi, bổ sung			

4	Xây dựng	Quyết định số 05/2017/QĐ-UBND ngày 23/01/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định giá dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Kiên Giang	Điểm a, Khoản 2, Điều 1; Không quy định giá tối đa	Luật Phí và Lệ phí năm 2015; Khoản 7, Điều 1 Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016	Bãi bỏ			
---	----------	---	--	--	--------	--	--	--

KIÊN GIANG